TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ PHÚ THỌ** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 12 – 6 - 2025
"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ THỌ, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Ngọc Hà**
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Vi Văn Hải**
2. Ông **Thái Quang Thọ**

- *Thư ký phiên tòa*: Ông **Đặng Trần H** - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên toà:* Bà **Bùi Thị Trang**- Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 175/2024/TLST - HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2024 về: " Tranh chấp Hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2025/QĐXX-ST ngày 29 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Hà Thị Kim L,** sinh năm 1993.
Địa chỉ: Tổ 23, khu dân cư T, phường Hùng Vương, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ.
Bị đơn: Anh **Nguyễn Anh H** - sinh năm 1987.
ĐKHKTT: Tổ 23, khu dân cư T, phường Hùng Vương, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ; Hiện đang chấp hành án tại: Đội 2, phân trại số 2, trại giam Q - xã Thượng Ấm, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

(Chị L, anh H đều xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu bổ sung, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Hà Thị Kim L trình bày: Chị và anh Nguyễn Anh H Đ ký kết hôn ngày 03/8/2018 tại UBND phường Hùng Vương, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ trên cơ sở tự nguyện, hợp pháp. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng về chung sống tại số nhà 41, tổ 23, khu dân cư T phường Hùng Vương, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được khoảng 02 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc

sống, anh H không chỉn chu làm ăn, chăm lo gia đình mà chơi bời dẫn đến nghiện ma túy và đang chấp hành án tại trại giam Q, tỉnh Tuyên Quang. Đến nay, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không thể kéo dài thêm. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin được ly hôn với anh H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 chung là cháu Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 27/6/2018. Hiện cháu Đ đang ở cùng chị L. Khi ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Phía bị đơn anh H hiện đang chấp hành án tại trại giam Q - huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang nên Tòa án nhân dân thị xã Phú thọ đã ra quyết định ủy thác và đã được Toà án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang tiến hành lấy lời khai và tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Anh H xin giải quyết và xét xử vắng mặt, đồng thời trong biên bản lấy lời khai của Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang, anh H trình bày: Anh kết hôn với chị L ngày 03/8/2018, trên cơ sở tự nguyện và Đ ký kết hôn tại UBND phường Hùng Vương, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng về chung sống tại: số nhà 41, khu dân cư T, phường Hùng Vương, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc. Đến đầu năm 2024, anh phạm tội và phải đi chấp hành án tại trại giam Q, tỉnh Tuyên Quang. Trong thời gian này, vợ chồng anh chị xảy ra mâu thuẫn do anh phải đi chấp hành hình phạt tù. Nay chị L đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn, anh nhất trí ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 chung là cháu Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 27/6/2018. Do anh đang phải chấp hành án nên khi ly hôn, anh nhất trí giao cháu Đ cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Thọ có quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Vụ án thụ lý đúng quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án, những người tiến hành tố tụng tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng. Những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điều 51, điều 55, điều

58, điều 81, điều 82 và điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị hội đồng xét xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Hà Thị Kim L và anh Nguyễn Anh H.

2. Về con chung: Công nhận sự thoả thuận của Chị Hà Thị Kim L và anh Nguyễn Anh H về việc chị L trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 27/6/2018, cho đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động. Anh Nguyễn Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở quyền này.

3. Về tài sản chung, về công nợ, công sức: Các đương sự không đề nghị giải quyết.

4. Về án phí: Nguyên đơn tự nguyện chịu 150.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà. Trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tranh chấp ly hôn, con chung giữa chị Hà Thị Kim L và anh Nguyễn Anh H là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn anh Nguyễn Anh H có nơi cư trú tại khu dân cư T, phường Hùng Vương, thị xã Phú Thọ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phú Thọ theo quy định tại khoản 1 điều 28, khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, chị L đã có lời trình bày tại Tòa án, anh H vì phải đang chấp hành án tại Trại giam Q nên không đến Tòa án làm việc được nhưng đã có lời khai trình bày quan điểm về việc giải quyết vụ án tại biên bản lấy lời khai của Tòa án huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Sau đó Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, anh H không đến Tòa án để làm việc nhưng anh đã có lời khai và trình bày quan điểm của mình nên Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung. Chị L, anh H đều xin giải quyết, xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ khoản 1 điều 228 ; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt cả nguyên đơn và bị đơn.

[2]. Về nội dung vụ án: Về quan hệ hôn nhân, Hội đồng xét xử nhận thấy: Chị Hà Thị Kim L kết hôn với anh Nguyễn Anh H ngày 03/8/2018, trên cơ sở tự nguyện và Đ ký kết hôn tại UBND phường Hùng Vương, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống tại: phường Hùng Vương, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được khoảng 02 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng ý kiến trong cuộc sống, không có tiếng nói chung, không hoà hợp, anh H không chịu làm ăn, chơi bời dẫn đến phạm tội và hiện nay đang chấp hành án tại: Trại giam Q - huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Nay tình cảm vợ chồng không còn, chị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H. Quá trình giải quyết vụ án, anh H đã có quan điểm trình bày của mình tại biên bản lấy lời khai của Toà án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang thể hiện quan điểm là vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến đầu năm 2024, thì anh phạm tội và đi chấp hành án tại trại giam Q - huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang đến nay. Nay anh xác định tình cảm không còn, chị L xin ly hôn anh, anh cũng đồng ý ly hôn. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, việc chị L xin ly hôn anh H là có căn cứ và phù hợp quy định của pháp luật nên cần chấp nhận. Đồng thời chị L và anh H đều đồng ý ly hôn nên cần xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị L và anh H.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 01 con là cháu Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 27/6/2018. Chị L và anh H đều nhất trí giao cháu Đ cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng cháu, anh H không phải cấp dưỡng cho con chung cho chị L. Xét thấy, quan điểm của chị L và anh H là chính đáng, do anh H còn cần tiếp tục chấp hành hình phạt tại trại giam Q - huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang nên không thể có điều kiện trực tiếp chăm nom, giáo dục cháu Đ. Vì vậy công nhận thỏa thuận của đương sự, giao chị L trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

[4] Về tài sản chung, về công nợ, công sức: Không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Chị L tự nguyện chịu 150.000đ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điều 51, điều 55, điều 58, điều 81, điều 82 và điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ

Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Hà Thị Kim L và anh Nguyễn Anh H.

2. Về con chung: Công nhận sự thoả thuận của chị Hà Thị Kim L và anh Nguyễn Anh H về việc chị L trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 27/6/2018, cho đến khi con chung thành niên. Anh Nguyễn Anh H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị L, vì chị L không yêu cầu.

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, về công nợ, công sức: Các đương sự không đề nghị giải quyết.

4. Về án phí: Chị Hà Thị Kim L xin chịu cả 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Xác nhận chị L đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) (do bà Nguyễn Thị Minh nộp thay) theo biên lai số 0002716 ngày 18/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phú Thọ. Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm cho chị L là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

5. Về quyền kháng cáo : Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết để đề nghị toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Nơinhận:
- VKSND thị xã Phú Thọ;
- Các đương sự;
- Chi cục THA dân sự thị xã Phú Thọ;
- UBND phường H, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ;
- Lưu HS,VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Ngọc Hà